

Số: 1087/BVNTTW

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Nội tiết Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để lập kế hoạch mua sắm gói thầu: Mua sắm điều hòa không khí năm 2025-2027, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nội tiết trung ương. Địa chỉ: Đường Nguyễn Bờ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá và liên hệ khảo sát (nếu cần): Ngô Văn Tiến - Phòng Hành chính Quản trị. Số điện thoại: 0782.595.999. Email: hcqtbvnttw@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng 407 Nhà A Bệnh viện Nội tiết Trung ương. Đường Nguyễn Bờ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h00 ngày 31/07/2025 đến 17h00 ngày 06/08/2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày ký báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Nội dung công việc:

TT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật
I	Phần thiết bị và vật tư			
1	Máy điều hòa treo tường 1 chiều biến tần công suất ≥ 9.000 BTU	16	Cái	Điều hòa treo tường 1 chiều biến tần; Công suất tối đa: ≥ 10.500 Btu/h; Nguồn điện: 1 pha, 220-240V; CSPF: $\geq 6,25$; Lưu lượng gió dàn lạnh tối đa: $\geq 11,5$ m ³ /phút; Độ ồn dàn lạnh tối đa:

				≤40dB; Khối lượng dàn lạnh: ≥10kg; Độ ồn dàn nóng tối đa: ≤47dB; Khối lượng dàn nóng: ≥21kg;
2	Máy điều hòa treo tường 2 chiều biến tần công suất ≥ 9.000 BTU	2	Cái	Điều hòa treo tường 2 chiều biến tần; Công suất tối đa: ≥12.200Btu/h; Nguồn điện: 1 pha, 220-240V; CSPF: ≥7,2; Lưu lượng gió dàn lạnh tối đa: ≥13m3/phút; Độ ồn dàn lạnh tối đa: ≤42dB; Khối lượng dàn lạnh: ≥10kg; Độ ồn dàn nóng tối đa: ≤50dB; Khối lượng dàn nóng: ≥30kg;
3	Máy điều hòa treo tường 1 chiều biến tần công suất ≥ 12.000 BTU	64	Cái	Điều hòa treo tường 1 chiều biến tần; Công suất tối đa: ≥14.000Btu/h; Nguồn điện: 1 pha, 220-240V; CSPF: ≥6,15; Lưu lượng gió dàn lạnh tối đa: ≥11,2m3/phút; Độ ồn dàn lạnh tối đa: ≤40dB; Khối lượng dàn lạnh: ≥10kg; Độ ồn dàn nóng tối đa: ≤48dB; Khối lượng dàn nóng: ≥22kg;
4	Máy điều hòa treo tường 2 chiều biến tần công suất ≥ 12.000 BTU	52	Cái	Điều hòa treo tường 2 chiều biến tần; Công suất tối đa: ≥13.500Btu/h; Nguồn điện: 1 pha, 220-240V; CSPF: ≥7,2; Lưu lượng gió dàn lạnh tối đa: ≥13m3/phút; Độ ồn dàn lạnh tối đa: ≤42dB; Khối lượng dàn lạnh: ≥10kg; Độ ồn dàn nóng tối đa: ≤50dB; Khối lượng dàn nóng: ≥30kg;
5	Máy điều hòa treo tường 1 chiều biến tần công suất ≥ 18.000 BTU	19	Cái	Điều hòa treo tường 1 chiều biến tần; Công suất tối đa: ≥20.500Btu/h; Nguồn điện: 1 pha, 220-240V; CSPF: ≥6; Lưu lượng gió dàn lạnh tối đa: ≥16,2m3/phút; Độ ồn dàn lạnh tối đa: ≤44dB; Khối lượng dàn lạnh: ≥12kg; Độ ồn dàn nóng tối đa: ≤50dB; Kích thước dàn nóng: ≤620x850x300mm; Khối lượng dàn nóng: ≥30kg;
6	Máy điều hòa treo tường 2 chiều biến tần công suất ≥	122	Cái	Điều hòa treo tường 2 chiều biến tần; Công suất tối đa: ≥20.500Btu/h; Nguồn điện: 1 pha, 220-240V; CSPF: ≥5,7; Lưu

	18.000 BTU			lượng gió dàn lạnh tối đa: $\geq 20\text{m}^3/\text{phút}$; Độ ồn dàn lạnh tối đa: $\leq 47\text{dB}$; Khối lượng dàn lạnh: $\geq 13\text{kg}$; Độ ồn dàn nóng tối đa: $\leq 55\text{dB}$; Kích thước dàn nóng: $\leq 695 \times 950 \times 350\text{mm}$; Khối lượng dàn nóng: $\geq 40\text{kg}$;
7	Máy điều hòa treo tường 1 chiều biến tần công suất $\geq 24.000\text{ BTU}$	3	Cái	Điều hòa treo tường 1 chiều biến tần; Công suất tối đa: $\geq 22.500\text{Btu/h}$; Nguồn điện: 1 pha, 220-240V; CSPF: ≥ 6.2 ; Lưu lượng gió dàn lạnh tối đa: $\geq 19,8\text{m}^3/\text{phút}$; Độ ồn dàn lạnh tối đa: $\leq 45\text{dB}$; Khối lượng dàn lạnh: $\geq 12\text{kg}$; Độ ồn dàn nóng tối đa: $\leq 51\text{dB}$; Khối lượng dàn nóng: $\geq 36\text{kg}$;
8	Máy điều hòa treo tường 2 chiều biến tần công suất $\geq 24.000\text{ BTU}$	7	Cái	Điều hòa treo tường 2 chiều biến tần; Công suất tối đa: $\geq 23.000\text{Btu/h}$; Nguồn điện: 1 pha, 220-240V; CSPF: ≥ 5.7 ; Lưu lượng gió dàn lạnh tối đa: $\geq 21\text{m}^3/\text{phút}$; Độ ồn dàn lạnh tối đa: $\leq 48\text{dB}$; Khối lượng dàn lạnh: $\geq 13\text{kg}$; Độ ồn dàn nóng tối đa: $\leq 53\text{dB}$; Khối lượng dàn nóng: $\geq 44\text{kg}$;
9	Máy điều hòa cassette âm trần 1 chiều công suất $\geq 24.000\text{ BTU}$	2	Cái	Điều hòa cassette âm trần 1 chiều; Công suất tối đa: $\geq 25.000\text{Btu/h}$; Nguồn điện: 1 pha, 220-240V; COP/EER: ≥ 3 ; Lưu lượng gió dàn lạnh tối đa: $\geq 21\text{m}^3/\text{phút}$; Độ ồn dàn lạnh tối đa: $\leq 42\text{dB}$; Khối lượng dàn lạnh: $\geq 25\text{kg}$; Độ ồn dàn nóng tối đa: $\leq 55\text{dB}$; Khối lượng dàn nóng: $\geq 42\text{kg}$;
10	Máy điều hòa cassette âm trần 2 chiều biến tần công suất $\geq 24.000\text{ BTU}$	2	Cái	Điều hòa cassette âm trần 2 chiều biến tần; Công suất tối đa: $\geq 26.000\text{Btu/h}$; Nguồn điện: 1 pha, 220-240V; CSPF: $\geq 5,5$; Lưu lượng gió dàn lạnh tối đa: $\geq 22\text{m}^3/\text{phút}$; Độ ồn dàn lạnh tối đa: $\leq 38\text{dB}$; Khối lượng dàn lạnh: $\geq 25\text{kg}$; Độ ồn dàn nóng tối đa: $\leq 52\text{dB}$; Khối lượng dàn nóng: $\geq 50\text{kg}$;

11	Máy điều hòa tủ đứng 1 chiều công suất ≥ 48.000 BTU	9	Cái	Điều hòa tủ đứng 1 chiều; Công suất tối đa: ≥ 48.000 Btu/h; Nguồn điện: 3 pha, 380-415V; COP/EER: $\geq 2,8$; Lưu lượng gió dàn lạnh tối đa: ≥ 35 m ³ /phút; Độ ồn dàn lạnh tối đa: ≤ 55 dB; Khối lượng dàn lạnh: ≥ 45 kg; Độ ồn dàn nóng tối đa: ≤ 62 dB; Khối lượng dàn nóng: ≥ 60 kg;
12	Ống đồng Ø6.4mm kèm bảo ôn	3370	m	Chất liệu: Đồng. Kích thước: Ø6.4mm x độ dày $\geq 0,71$ mm kèm bảo ôn dày 19mm $\pm 5\%$, băng cuốn
13	Ống đồng Ø9.5mm kèm bảo ôn	2160	m	Chất liệu: Đồng. Kích thước: Ø9.5mm x độ dày $\geq 0,71$ mm kèm bảo ôn dày 19mm $\pm 5\%$, băng cuốn
14	Ống đồng Ø12.7mm kèm bảo ôn	1510	m	Chất liệu: Đồng. Kích thước: Ø12.7mm x độ dày $\geq 0,71$ mm kèm bảo ôn dày 19mm $\pm 5\%$, băng cuốn
15	Ống đồng Ø15.9mm kèm bảo ôn	300	m	Chất liệu: Đồng. Kích thước: Ø15.9mm x độ dày $\geq 0,71$ mm kèm bảo ôn dày 19mm $\pm 5\%$, băng cuốn
16	Ống nước D27	3520	m	Chất liệu: PVC Kích thước: Ø 27 kèm bảo ôn chất liệu cao su dày 10mm $\pm 5\%$
17	Ống nước D34	80	m	Chất liệu: PVC Kích thước: Ø 34 kèm bảo ôn chất liệu cao su dày 10mm $\pm 5\%$
18	Gas R32	250	kg	Gas lạnh R32
19	Gas R410A	50	kg	Gas lạnh R410A
20	Dây điện 1,5mm ²	3520	m	CU/PVC/PVC 2Cx1,5mm ²
21	Dây điện 2,5mm ²	3270	m	CU/PVC/PVC 2Cx2,5mm ²
22	Dây điện 4mm ²	280	m	CU/PVC/PVC 2Cx4mm ²
23	Dây điện 6mm ²	220	m	CU/PVC/PVC 3Cx6mm ² +1Cx4mm ²
24	Aptomat 20A 2 pha	50	Cái	Aptomat 20A 2 pha lắp nổi kèm vỏ
26	Aptomat 20A 1 pha	100	Cái	Aptomat 20A 1 pha loại gài
26	Aptomat 50A 3 pha	9	Cái	Aptomat 50A 3 pha lắp nổi kèm vỏ

27	Giá đỡ dàn nóng loại 12000BTU	134	Cái	Giá đỡ dàn nóng loại dùng cho máy điều hòa 12000BTU. Chất liệu thép V3/V4/V5 mạ nhúng nóng
28	Giá đỡ dàn nóng loại 18000BTU	141	Cái	Giá đỡ dàn nóng loại dùng cho máy điều hòa 18000BTU. Chất liệu thép V3/V4/V5 mạ nhúng nóng
29	Giá đỡ dàn nóng loại 48000BTU	9	Cái	Giá đỡ dàn nóng loại dùng cho máy điều hòa 48000BTU. Chất liệu thép V3/V4/V5 mạ nhúng nóng
30	Ống ruột gà D16	150	Cuộn	Ống ruột gà đường kính ngoài 16mm, chất liệu nhựa PVC tự chống cháy. Chiều dài cuộn $\geq 50m$
31	Bơm nước ngưng	15	Cái	Bơm nước ngưng sử dụng cho điều hòa treo tường
II	Phần dịch vụ lắp đặt			
1	Dịch vụ tháo điều hòa cũ, làm sạch đường ống và lắp mới điều hòa treo tường 9000-12000BTU	131	Lần	Dịch vụ tháo điều hòa cũ, làm sạch đường ống và lắp mới điều hòa treo tường 9000-12000BTU
2	Dịch vụ tháo điều hòa cũ, làm sạch đường ống và lắp mới điều hòa treo tường 18000-24000BTU	150	Lần	Dịch vụ tháo điều hòa cũ, làm sạch đường ống và lắp mới điều hòa treo tường 18000-24000BTU
3	Dịch vụ tháo điều hòa cũ, làm sạch đường ống và lắp mới điều hòa tủ đứng 48000 BTU	5	Lần	Dịch vụ tháo điều hòa cũ, làm sạch đường ống và lắp mới điều hòa tủ đứng 48000 BTU
4	Dịch vụ tháo điều hòa cũ, làm sạch đường ống và lắp mới điều hòa cassette 26000 BTU	2	Lần	Dịch vụ tháo điều hòa cũ, làm sạch đường ống và lắp mới điều hòa cassette 26000 BTU
5	Dịch vụ lắp điều hòa mới 9000-12000 BTU	3	Lần	Dịch vụ lắp điều hòa mới 9000-12000 BTU
6	Dịch vụ lắp điều hòa mới 18000-24000BTU	1	Lần	Dịch vụ lắp điều hòa mới 18000-24000BTU

7	Dịch vụ lắp điều hòa mới cassette 26000 BTU	2	Lần	Dịch vụ lắp điều hòa mới cassette 26000 BTU
8	Dịch vụ lắp điều hòa mới tủ đứng 48000 BTU	4	Lần	Dịch vụ lắp điều hòa mới tủ đứng 48000 BTU
9	Dịch vụ lắp đặt ống đồng với máy có đường ống $\geq 5m$	1500	m	Dịch vụ lắp đặt ống đồng với máy có đường ống $\geq 5m$

2. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Nội tiết Trung ương. Địa chỉ: Đường Nguyễn Bô, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội.

3. Yêu cầu về hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

- Báo giá (Theo mẫu tại Phụ lục đính kèm)

Rất mong được sự hợp tác của Quý đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, HCQT.



GIÁM ĐỐC

Phan Hoàng Hiệp

PHỤ LỤC

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 1087 /BVNTTW ngày 31 tháng 7 năm 2025)

MẪU BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nội tiết Trung ương

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Nội tiết Trung ương, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các danh mục hàng hóa và dịch vụ như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa

STT	Danh mục hàng hóa và dịch vụ ⁽¹⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽²⁾	Năm sản xuất ⁽³⁾	Xuất xứ ⁽⁴⁾	Số lượng ⁽⁵⁾	Thông số kỹ thuật ⁽⁶⁾	Đơn giá ⁽⁷⁾ (VND) (Đã bao gồm VAT)	Thành tiền ⁽⁸⁾ (VND)
1								
n	...							

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của danh mục báo giá)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 120 ngày, kể từ ngày báo giá.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các danh mục nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽⁹⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1)(2)(3)(4) : Điền đầy đủ các thông tin của hàng hóa.

(6) Thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa nhằm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hàng hóa. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và hàng hóa liên quan (nếu có) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

(9) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.